

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 7 - 2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Hùng Dũng;

2. Ông Nguyễn Xuân Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu vực T 1, phường L, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp L1, xã A, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Vào năm 2013, chị M có quen biết với anh Trần Văn T và tự nguyện tiến tới hôn nhân, được cha mẹ đôi bên đứng ra tổ chức lễ cưới, có đến Ủy ban nhân dân phường L, quận N để đăng ký kết hôn vào ngày 13/5/2014. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tính tình không hợp, anh T

không lo làm ăn mà chỉ biết ăn chơi. Xét thấy, vợ chồng không hạnh phúc, nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh T vì chị đã cho anh T nhiều cơ hội, nhưng anh T không sửa đổi.

Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Trần Văn T trình bày: Thừa nhận về quá trình tiến tới hôn nhân với chị M từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn, anh Trần Văn T xin đoàn tụ gia đình vì còn thương vợ, hiện tại anh đang làm thuê, nên không về chung sống với chị M, chị M cho rằng vợ chồng không còn tình cảm là không đúng. Trước đây, chị M có đã 02 lần nộp đơn ly hôn nhưng đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết.

Về con chung: Anh T thừa nhận anh và chị M không có con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu ly hôn, nhưng anh Trần văn T không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ với chị Mai.

Về con chung: Chị M, anh T thống nhất không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh T vì cho rằng không còn tình cảm với anh T, anh T không tạo được cho chị lòng tin là sự quan tâm chăm sóc của người chồng.

Anh T không đồng ý ly hôn với chị M và cho rằng vẫn còn thương vợ, về nguyên nhân không sống cùng với chị M là do trước đây anh có làm ăn riêng bị thua lỗ, nên thiếu nợ phải lẩn tránh các chủ nợ, anh T khẳng định đây là nợ riêng của anh không có liên quan đến chị M.

Về con chung: Các đương sự khẳng định không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định là không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết M, chị M được ly hôn với anh T. Về con chung:

Các đương sự không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh và anh Trần Văn T, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị M có đơn xin ly hôn với anh T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T tiến tới hôn nhân vào năm 2013, đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ sự không hòa hợp về tính cách và anh T thiếu sự quan tâm, chia sẻ, không tạo được niềm tin cho chị M, mặc dù chị M đã cho anh T nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm qua việc chị M đã 02 lần rút lại yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T cho rằng vẫn còn thương vợ mong muốn được đoàn tụ với chị M, nhưng bản thân anh không có một biện pháp nào cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã thật sự sâu sắc trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Các đương sự không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất khai nhận là không có. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia

đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M với anh Trần Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Các đương sự không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp, thì giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Chị M chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 001490 ngày 10/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thừa hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự,
- VKSND huyện Cờ Đỏ,
- Chi cục THA DS huyện Cờ Đỏ,
- UBND P. L, Q. N, TP. Cần Thơ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Quốc Kiệt